

## CHỈ THỊ

### Về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính; trong những năm qua, các cấp, các ngành, các đơn vị, các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án (QLDA), đã quan tâm đến công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN).

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tình trạng một số dự án đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, nhưng chủ đầu tư vẫn chậm lập báo cáo quyết toán so với quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; dẫn đến việc quản lý dự án kéo dài, gây nợ đọng XDCB, làm giảm hiệu quả đầu tư; không tất toán được tài khoản của dự án, không hạch toán tăng tài sản kịp thời cũng như việc theo dõi, quản lý tài sản sau đầu tư trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Theo báo cáo của Sở Tài chính, trong 6 tháng đầu năm 2016 vẫn còn 546 dự án, công trình chậm lập và nộp hồ sơ quyết toán đến cơ quan Tài chính để thẩm tra và trình phê duyệt theo quy định, trong đó có 43 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND tỉnh, 188 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND cấp huyện và 315 dự án, công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND cấp xã (*Chi tiết có phụ biểu số 01, 02, 03 kèm theo*).

Để tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước theo đúng Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành”, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (gọi chung là ngành), Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) và các Ban quản lý

dự án cấp tỉnh, huyện sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tập trung thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo sau đây:

1. Yêu cầu các ngành, các huyện, các Ban quản lý dự án và các đơn vị có liên quan là chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện nghiêm việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

- Khẩn trương thực hiện kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến nay chưa thực hiện quyết toán dự án theo quy định; xác định rõ nguyên nhân chậm quyết toán, những khó khăn vướng mắc cụ thể của từng trường hợp, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, báo cáo về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trước ngày 15/12/2016. Riêng đối với các dự án hoàn thành chậm quyết toán từ 12 tháng trở lên, chủ đầu tư phải báo cáo rõ nguyên nhân dẫn đến chậm trễ, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân có liên quan để cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

- Trường hợp những dự án hoàn thành chưa được phê duyệt quyết toán nhưng chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có thay đổi về cơ cấu tổ chức (như sáp nhập, giải thể,...) thì tổ chức, cá nhân tiếp nhận hoặc kế thừa công việc hiện nay phải chịu trách nhiệm thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- Kiểm tra, rà soát hồ sơ dự án hoàn thành đã đưa vào sử dụng để lập hồ sơ quyết toán theo quy định; trường hợp xét thấy cần thiết phải kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi thẩm tra thì gửi đề xuất về cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo người phê duyệt quyết toán quyết định.

- Đối với các chủ đầu tư quản lý dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND tỉnh, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác quyết toán về Sở Tài chính trước ngày 10 tháng đầu của quý sau liền kề đối với báo cáo quý và trước ngày 15 tháng 01 năm sau liền kề đối với báo cáo năm.

## 2. Sở Tài chính

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; hướng dẫn biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền cho các chủ đầu tư và các Ban quản lý dự án. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức công tác thẩm tra quyết toán đảm bảo theo đúng quy trình quy định tại Thông tư số 09/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đến nay chưa hoàn thành công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán và đề xuất giải pháp xử lý quyết toán dứt điểm, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hiện công bố công khai danh sách các chủ đầu tư, đơn vị có dự án vi phạm quy định thời gian lập, nộp quyết toán; làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính theo dõi danh mục dự án, công trình đã được phê duyệt quyết toán, tham mưu bố trí vốn để chủ đầu tư thanh toán công nợ và tất toán tài khoản theo quy định.

- Từ năm 2017 trở đi, không tham mưu trình UBND tỉnh giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo quy định; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên khi chưa có báo cáo rõ nguyên nhân được cấp thẩm quyền chấp thuận; chủ đầu tư chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để lập báo cáo quyết toán nếu vì nhà thầu không tích cực cung cấp thông tin cho chủ đầu tư thì không được tham gia đấu thầu dự án mới.

### 4. Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện

- Kiểm tra đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; đồng thời có nhận xét, đánh giá kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán về tình hình sử dụng vốn đầu tư.

- Đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện thủ tục thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán, thu hồi số vốn đã tạm ứng và tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo chế độ quy định.

### 5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, báo cáo danh mục dự án được giao làm chủ đầu tư còn chậm quyết toán theo quy định tại mục 1 gửi Sở Tài chính; chỉ đạo các Ban quản lý dự án, UBND cấp xã và phòng Tài chính – Kế hoạch xử lý quyết toán dứt điểm các dự án chậm quyết toán thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, cấp xã. Đồng thời gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính theo định kỳ hàng quý trước ngày 15 tháng đầu của quý sau và báo cáo năm trước ngày 20/01 năm sau.

- Kiện toàn và chấn chỉnh hoạt động của bộ máy thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại huyện, thị xã, thành phố; rà soát, cơ cấu lại tổ chức; đào tạo, nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm tra quyết toán; tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu suất làm việc; bảo đảm thực hiện công tác quyết toán có chất lượng, đạt hiệu quả và đúng tiến độ.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định về quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Các ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc và các huyện đưa nội dung thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành là một trong những tiêu chí làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

#### 7. Xử lý vi phạm

Thực hiện nghiêm việc xử phạt đối với chủ đầu tư, nhà thầu có hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà ở và công sở.

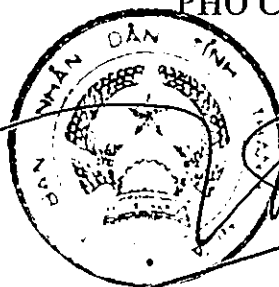
Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức triển khai nghiêm túc thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện tốt Chỉ thị này./.



#### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC Thn2016244 (70).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ biểu 01:							
DỰ ÁN CHẠM NỖ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN							
THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH							
(Kèm theo Chỉ thị số: 30/CT-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)							
Đơn vị: Triệu đồng							
Số TT	Loại dự án	Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm phê duyệt quyết toán 24 tháng trở lên		
		Số dự án	Tổng dự toán	Tổng vốn đã cấp	Số dự án	Tổng dự toán	Tổng vốn đã cấp
1	2	6	7	8	9	10	11
A	Tổng cộng:	25	1.298.134	1.003.554	18	593.190	463.904
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	4	861.119	667.123	3	199.221	169.610
III	Nhóm C	21	437.015	336.431	15	393.969	294.294
B	Chi tiết theo đơn vị						
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	4	861.119	667.123	3	199.221	169.610
1	Sở Nông nghiệp và PTNN	1	299.197	203.877	1	64.798	55.810
2	UBND huyện Nga Sơn	0	0	0	1	67.211	56.900
3	Chi cục Đê điều và PCLB	1	146.577	128.573	1	67.211	56.900
3	Ban QLDA Thủy Lợi	1	183.062	180.358	0	0	0
4	Trung tâm nước Sinh hoạt và VSMT MT	1	232.283	154.315	0	0	0
III	Nhóm C	21	437.015	336.431	15	393.969	294.294
1	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh TH	1	48.474	36.900	0	0	0
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	7	96.013	63.425	0	0	0
3	UBND huyện Vĩnh Lộc	0	0	0	2	19.700	18.000
4	Huyện Ủy Như Xuân	1	7.944	4.800	0	0	0
5	UBND huyện Như Xuân	1	27.833	27.833	0	0	0
6	UBND huyện Thương Xuân	1	37.028	33.484	0	0	0
7	UBND thị xã Sầm Sơn	0	0	0	1	26.000	23.303
8	UBND huyện Bá Thước	0	0	0	3	92.015	68.320
9	UBND huyện Cẩm Thủy	0	0	0	2	68.571	62.600
10	UBND huyện Mường Lát	0	0	0	1	39.400	34.300
11	UBND huyện Quan Hoá	0	0	0	3	45.972	34.500
12	UBND Quan Sơn	0	0	0	1	29.482	9.501
13	UBND huyện Lang Chánh	1	21.298	13.500	2	72.829	43.770
14	UBND huyện Thọ Xuân	1	12.634	10.207	0	0	0
15	UBND huyện Hà Trung	2	78.943	48.763	0	0	0
16	Ban QLDA Kết cấu hạ tầng Nghi Sơn	1	33.745	30.256	0	0	0
17	Công ty TNHH MTV Môi trường và CTĐT Thanh Hóa						
18	BVĐK huyện Như Thanh	1	6.899	5.940	0	0	0
19	BVĐK huyện Thường Xuân	1	3.181	3.181	0	0	0
20	BVĐK khu vực Ngọc Lặc	1	30.530	31.119	0	0	0
21	BVĐK huyện Nông Công	1	10.113	10.113	0	0	0

## Phụ biểu 02:

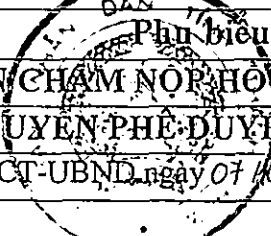
## DỰ ÁN CHẠM NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

## THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

(Kèm theo Chỉ thị số : 30 /CT-UBND, ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Loại dự án	Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên		
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán
1	2	6	7	8	9	10	11
A	<b>Tổng cộng:</b>	79	272.637	269.471	109	92.766	91.547
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	0	0	0	0	0	0
III	Nhóm C	79	272.637	269.471	109	92.766	91.547
B	<b>Chi tiết theo đơn vị:</b>						
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	0	0	0	0	0	0
1	Thành phố Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0
III	Nhóm C	79	272.637	269.471	109	92.766	91.547
1	Huyện Hậu Lộc	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Quan Sơn	0	0	0	0	0	0
3	Thành phố Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0
4	Thị xã Sầm Sơn	0	0	0	0	0	0
5	Huyện Yên Định	0	0	0	0	0	0
6	Huyện Nga Sơn	11	33.061	33.061	0	0	0
7	Huyện Bá Thước	0		0	0	0	0
8	Huyện Cẩm Thủy	13	24.036	24.036	17	16.827	16.827
9	Huyện Hoằng Hoá	0	0	0	0	0	0
10	Huyện Mường Lát	0	0	0	0	0	0
11	Huyện Vĩnh Lộc	0	0	0	0	0	0
12	Huyện Như Thanh	12	16.717	15.886	1	486	486
13	Huyện Quan Hóa	0	0	0	0	0	0
14	Huyện Hà Trung	3	94.948	94.948	1	1.190	381
15	Huyện Ngọc Lặc	1	1.905	0	0	0	0
16	Huyện Lang Chánh	19	23.296	23.038	31	16.131	15.721
17	Huyện Thạch Thành	0	0	0	1	768	768
18	Huyện Tĩnh Gia	0	0	0	0	0	0
19	Thị xã Bỉm Sơn	0	0	0	0	0	0
20	Huyện Thọ Xuân	4	53.329	53.329	0	0	0
21	Huyện Nông Công	0	0	0	0	0	0
22	Huyện Thường Xuân	0	0	0	3	0	0
23	Huyện Triệu Sơn	16	25.345	25.173	54	53.094	53.094
24	Huyện Quảng Xương	0	0	0	0	0	0
25	Huyện Thiệu Hoá	0	0	0	0	0	0
26	Huyện Đông Sơn	0	0	0	1	4.270	4.270
27	Huyện Như Xuân	0	0	0	0	0	0
28	BQL Khu KT Nghi Sơn	0	0	0	0	0	0

<div> <div>  </div> <div> <b>Phụ biểu 03:</b>  <b>DỰ ÁN CHẠM NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN</b>  <b>THUỘC THẨM QUYỀN PHE DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH UBND XÃ</b>            (Kèm theo Chỉ thị số : 30 /CT-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)            Đơn vị tính: Triệu đồng         </div> </div>							
Số TT	Loại dự án	Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên		
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán
1	2	6	7	8	9	10	11
A	Tổng cộng	195	260.321	195.682	120	124.661	136.323
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	0	0	0	0	0	0
III	Nhóm C	195	260.321	195.682	120	124.661	136.323
B	Chi tiết theo đơn vị:						
I	Nhóm A	0	0	0	0	0	0
II	Nhóm B	0	0	0	0	0	0
III	Nhóm C	195	260.321	195.682	120	124.661	136.323
1	Huyện Hậu Lộc	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Quan Sơn	0	0	0	0	0	0
3	Thành phố Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0
4	Thị xã Sầm Sơn	4	5.385	0	0	0	0
5	Huyện Yên Định	17	28.120	0	7	12.208	0
6	Huyện Nga Sơn	39	75.670	72.596	9	15.918	15.047
7	Huyện Bá Thước	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Cẩm Thủy	0	0	0	0	0	0
9	Huyện Hoằng Hoá	64	63.362	39.473	24	27.288	16.794
10	Huyện Mường Lát	0	0	0	0	0	0
11	Huyện Vĩnh Lộc	0	0	0	0	0	0
12	Huyện Như Thanh	0	0	0	0	0	0
13	Huyện Quan Hóa	0	0	0	0	0	0
14	Huyện Hà Trung	4	2.575	2.327	1	3.138	38.752
15	Huyện Ngọc Lặc	0	0	0	0	0	0
16	Huyện Lang Chánh	0	0	0	0	0	0
17	Huyện Thạch Thành	37	50.287	46.436	19	23.962	24.003
18	Huyện Tĩnh Gia	0	0	0	0	0	0
19	Thị xã Bỉm Sơn	1	859	787	8	3.269	2.975
20	Huyện Thọ Xuân	0	0	0	0	0	0
21	Huyện Nông Cống	0	0	0	0	0	0
22	Huyện Thường Xuân	0	0	0	0	0	0
23	Huyện Triệu Sơn	28	33.176	33.176	42	27.546	27.546
24	Huyện Quảng Xương	0	0	0	0	0	0
25	Huyện Thiệu Hoá	1	887	887	0	0	0
26	Huyện Đông Sơn	0	0	0	10	11.332	11.206
27	Huyện Như Xuân	0	0	0	0	0	0